BẢN ĐỒ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN VIỆC HẠN CHẾ KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

CHÂU THÀNH

TIỂU CẦN

CẦU NGANG

TRÀ CÚ

DUYÊN HẢI

TỈNH SÓC TRĂNG

xã Phước Hưng

xã Tân Sơn

xã Tập Sơn

xã Tân Hiệp

xã An Quảng Hữu

xã Lưu Nghiệp Anh

xã Ngãi Xuyên

xã Long Hiệp

xã Ngọc Biên

xã Thanh Sơn

xã Kim Sơn

xã Hàm Tân

xã Hàm Giang

xã Đôn Xuân

xã Đôn Châu

xã Định An

TT. Định An

TrC2.9.2-qp$_{1-3}$

TrC2.9.1-qp$_{1-3}$

TrC2.9.3-qp$_{1-3}$

TrC2.9.4-qp$_{1-3}$

TrC2.8.1-qp$_{1-3}$

TrC2.7.2-qp$_{1-3}$

TrC2.7.1-qp$_{1-3}$

TrC2.6.1-qp$_{1-3}$

TrC2.6.2-qp$_{1-3}$

TrC2.5.1-qp$_{1-3}$

TrC2.5.3-qp$_{1-3}$

TrC2.5.2-qp$_{1-3}$

TrC2.10.1-qp$_{1-3}$

TrC2.10.2-qp$_{1-3}$

TrC2.12.2-qp$_{1-3}$

TrC2.12.1-qp$_{1-3}$

TrC2.14.2-qp$_{1-3}$

TrC2.14.1-qp$_{1-3}$

TrC2.15.2-qp$_{1-3}$

TrC2.15.1-qp$_{1-3}$

TrC2.11.1-qp$_{1-3}$

TrC2.11.2-qp$_{1-3}$

TrC2.4.1-qp$_{1-3}$

TrC2.4.2-qp$_{1-3}$

TrC2.3.1-qp$_{1-3}$

TrC2.3.2-qp$_{1-3}$

TrC2.16.1-qp$_{1-3}$

TrC2.16.2-qp$_{1-3}$

TrC2.16.3-qp$_{1-3}$

TrC2.1.3-qp$_{1-3}$

TrC2.1.1-qp$_{1-3}$

TrC2.1.2-qp$_{1-3}$

TrC2.8.-qp$_{1-3}$

TrC2.7.-qp$_{1-3}$

TrC2.2.4-qp$_{1-3}$

CHỈ DẪN

I - VÙNG HẠN CHẾ KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ

Vùng hạn chế	Khu vực hạn chế	Ký hiệu	Đặc điểm, phạm vi hạn chế
Vùng hạn chế 1	Khu vực liên kế ranh mặn (tầng chứa nước Holocen)		Khu vực có nguy cơ xâm nhập mặn của các tầng chứa nước là vùng liên kế với khu vực bị nhiễm mặn có hàm lượng tổng chất rắn hòa tan từ 1.500mg/l trở lên
	Khu vực liên kế ranh mặn (tầng chứa nước Pleistocen trên)		
	Khu vực liên kế ranh mặn (tầng chứa nước Pleistocen giữa - trên)		
	Khu vực liên kế ranh mặn (tầng chứa nước Pleistocen dưới)		
	Khu vực liên kế ranh mặn (tầng chứa nước Pliocen giữa)		
	Khu vực liên kế ranh mặn (tầng chứa nước Pliocen dưới)		
	Khu vực liên kế ranh mặn (tầng chứa nước Miocen trên)		

Vùng có ít nhất 1 tầng chứa nước nhạt không phải hạn chế khai thác

Vùng có tất cả các tầng chứa nước mặn (không đánh giá)

Vùng không phân bố tầng Holocen (qh)

II - CÔNG TRÌNH KHAI THÁC:

II.1 - Công trình không thuộc vùng hạn chế khai thác:

1 - Công trình/Giếng khai thác đã được cấp phép:

SH-TCN — SH: Số hiệu điểm điều tra; TCN: Tầng chứa nước khai thác

2 - Công trình/Giếng khai thác chưa được cấp phép:

SH-TCN — SH: Số hiệu điểm điều tra; TCN: Tầng chứa nước khai thác

II.2 - Công trình thuộc vùng hạn chế khai thác:

1 - Công trình/Giếng khai thác đã được cấp phép và thuộc vùng hạn chế:

SH-TCN — SH: Số hiệu điểm điều tra; TCN: Tầng chứa nước khai thác

2 - Công trình/Giếng khai thác chưa được cấp phép và thuộc vùng hạn chế:

SH-TCN — SH: Số hiệu điểm điều tra; TCN: Tầng chứa nước khai thác

III- CÁC ĐƯỜNG RANH GIỚI

Ranh giới phân bố các tầng chứa nước ***(nét gạch chỉ phía phân bố):***

- Tầng chứa nước: Holocen

Ranh giới mặn 1,5g/l của các tầng chứa nước ***(nét gạch chỉ phía nước mặn):***

- Tầng chứa nước: Holocen
- Tầng chứa nước: Pleistocen dưới
- Tầng chứa nước: Pliocen giữa
- Tầng chứa nước: Pliocen dưới
- Tầng chứa nước: Miocen trên

Ranh giới các vùng/ khu vực hạn chế khai thác nước dưới đất

IV - CÁC KÝ HIỆU KHÁC

- Địa giới xã/ phường/ TT
- Địa giới huyện/ thị xã/ thành phố
- Địa giới tỉnh
- Đường nhựa
- Đường rải gạch đá
- Đường đất lớn
- Sông, suối
- Đường đồng mức địa hình và giá trị (m)
- Điểm độ cao và giá trị (m)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH TRÀ VINH	TRUNG TÂM QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN NƯỚC QUỐC GIA LIÊN ĐOÀN QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN NƯỚC MIỀN NAM		
		Bản vẽ số:	Tỷ lệ 1: 25.000	Năm 2024
		Tên bản vẽ:	Bản đồ phương án tổ chức thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất, huyện Trà Cú	
		Người thành lập	CN. Nguyễn Văn Quí	
		Người kiểm tra	ThS. Ngô Văn Đạt	
		Liên đoàn trưởng		

TỶ LỆ 1:25.000

1cm trên bản đồ bằng 250m ngoài thực tế

0 250 500 750 1000 1250 1500 1750 2000 2250 2500 2750 3000 3250 3500 3750 4000 4250 4500 4750 5000

Hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục 105° 30', múi 3°